

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ LƯƠNG ĐIỀN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Lương Điền, ngày 20 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc công khai thủ tục hành chính cấp xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp

Căn cứ Quyết định số 3207/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

Sau khi tiến hành rà soát danh mục thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân xã Lương Điền công bố kết quả rà soát thủ tục hành chính lĩnh vực Sở Tư pháp thuộc thẩm quyền cấp xã cụ thể như sau:

1. Công bố phê duyệt danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền cấp xã:

- có 01 TTHC thực hiện tại cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử dùng chung cho các cấp (*có danh sách kèm theo*).

- có 16 TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền cấp xã (*có danh sách kèm theo*)

2. Công bố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã: có 18 quy trình (*có danh sách kèm theo*)

3. Công bố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp xã bị bãi bỏ: có 17 quy trình (*có danh sách kèm theo*)

Nơi nhận:

- UBND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Công thông tin điện tử xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đình Bằng

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TẠI CƠ QUAN QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ I (Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã)					
1. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hải Dương (Địa chỉ: Tầng 1 Thư viện tỉnh, đường Tôn Đức Thắng, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện. - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.	- Lệ phí: 8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Nghị định số 123/2015/NĐ-CP); - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Nghị định số 87/2020/NĐ-CP); - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch (Thông tư số 04/2020/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến (Thông tư số 01/2022/TT-BTP);</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch (Thông tư số 281/2016/TT-BTC);</p> <p>- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày</p>

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					29/11/2019); - Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021).

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Đã được công bố theo Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 28/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

III THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ					
1.	Đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em; - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn: Mức lệ phí là 5000 đồng/lần - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai	- Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

		<p>lập biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi đối với trường hợp đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi.</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi trẻ đang cư trú có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ chưa xác định được cha, mẹ.</p>	<p>sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.</p>	<p>- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.</p>
--	--	---	---	---

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2.	Đăng ký kết hôn	<p>Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc.</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.</p>	<p>Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục kết hôn (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	<p>03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc</p>	<p>Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.</p>	<p>10.000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc, trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã.	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 15.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục đăng ký nhận cha, mẹ, con (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5.	Đăng ký khai tử	Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết thực hiện việc đăng ký khai tử; Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi người do chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.	- Lệ phí: 5000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục khai tử (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
6.	Đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ.	- Đối với trường hợp đăng ký khai sinh không đúng hạn, mức lệ phí: 5000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp khai sinh đúng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				hạn, người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
7.	Đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của hai bên nam, nữ.	Miễn lệ phí.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.
8.	Đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết; - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 5000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn; đăng ký cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			kết quả cấp xã UBND cấp xã nơi người đó chết hoặc nơi phát hiện thi thể người chết thực hiện việc đăng ký khai tử trong trường hợp không xác định được nơi cư trú cuối cùng của người chết.	khuyết tật.	- Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
9.	Đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi cư trú của người được giám hộ hoặc người giám hộ.	- Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</i> - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký giám hộ trước đây.	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC.</i>
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<ul style="list-style-type: none"> - 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc. - Ngay trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung thông tin hộ tịch, 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký hộ tịch trước đây hoặc UBND cấp xã nơi cư trú của người có yêu cầu có thẩm quyền giải quyết việc thay đổi, cải chính cho người chưa đủ 14 tuổi, bổ sung hộ tịch cho công dân Việt 	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: 10.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP;</i> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC;</i> - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Nam cư trú ở trong nước. - Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây thực hiện việc cải chính nội dung đăng ký khai tử.		
12.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân thường trú. - Trường hợp người yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không có nơi thường trú nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì	- Lệ phí: 10.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			UBND cấp xã nơi tạm trú thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.		
13.	Đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu đăng ký lại khai sinh thường trú.	- Lệ phí: 5000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao.	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi người yêu cầu cư trú.	- Lệ phí: 5000 đồng/lần. - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Giấy khai sinh (nếu có yêu cầu):	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				8.000 đồng/bản sao trích lục.	- Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
15.	Đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký kết hôn trước đây hoặc UBND cấp xã nơi người yêu cầu thường trú.	25.000 đồng/lần Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật Hôn nhân và gia đình;; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i> ; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.
16.	Đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp xã nơi đã đăng ký khai tử trước đây.	- Lệ phí: 5000 đồng/lần - Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Phí cấp bản sao Trích lục	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; - <i>Nghị định số 87/2020/NĐ-CP</i> ; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP; - <i>Thông tư số 01/2022/TT-BTP</i> ;

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				khai tử (nếu có yêu cầu) (nếu có yêu cầu): 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - <i>Thông tư số 106/2021/TT-BTC</i>; - Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND.

PHỤ LỤC II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Kèm theo Quyết định số: 3402 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

III	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC CẤP XÃ	
1.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	
2.	Đăng ký khai sinh	
3.	Đăng ký kết hôn	
4.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
5.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
6.	Đăng ký khai tử	
7.	Đăng ký khai sinh lưu động	
8.	Đăng ký kết hôn lưu động	
9.	Đăng ký khai tử lưu động	
10.	Đăng ký giám hộ	
11.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
12.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
13.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
14.	Đăng ký lại khai sinh	
15.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
16.	Đăng ký lại kết hôn	
17.	Đăng ký lại khai tử	
18.	Xác nhận thông tin hộ tịch	

Phụ lục III
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
SỞ TƯ PHÁP BỊ BẠI BỎ
(Kèm theo Quyết định số:3402 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương)

III	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ	
1.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	
2.	Đăng ký khai sinh	
3.	Đăng ký kết hôn	
4.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
5.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
6.	Đăng ký khai tử	
7.	Đăng ký khai sinh lưu động	
8.	Đăng ký kết hôn lưu động	
9.	Đăng ký khai tử lưu động	
10.	Đăng ký giám hộ	
11.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
12.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	
13.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
14.	Đăng ký lại khai sinh	
15.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
16.	Đăng ký lại kết hôn	
17.	Đăng ký lại khai tử	

